

THÔNG BÁO TUYỂN SINH DU HỌC TẠI ĐÀI LOAN (hệ Vừa học vừa làm)

Năm học 09/ 2020

學校 Trường	科系-- Ngành (1)		類型 Hệ	申請條件 Điều kiện	學費(學期)-- Học phí + tạp phí (2)	住宿費(學期)-- Ký túc xá
經國管理學院 Học viện Quản lý Kinh Quốc	www.cku.edu.tw	không tuyển sinh				
	TP Đài Bắc (Cơ Long)					
東南科大 ĐH Khoa học Công nghệ Đông Nam	www.tnu.edu.tw/	電子工程系智慧生活科技應用 ngành Điện tử, ứng dụng trí tuệ khoa học vào cuộc sống 機械工程系機械製造 ngành cơ khí chế tạo 餐飲管理系餐旅服務學程 Quản trị nhà hàng khoa dịch vụ nhà hàng khách sạn	產學專班- Vừa Học Vừa Làm	Nam + Nữ tuổi từ 18~24. Điểm TB 3 năm cấp 3, mỗi năm từ 6.0 trở lên, TOCFL A1	44710NT/học kỳ + phụ phí 1415NT/học kỳ miễn học phí học kỳ 1 học kỳ 2~8 không miễn giảm	10725NT/học kỳ 4 người/phòng 6600NT/học kỳ hơn 7 người/phòng
	TP Tân Bắc					
德明財經科大 ĐH Công nghệ Tài chính Đức Minh	www.takming.edu.tw	國際貿易系- Thương Mại Quốc Tế 會計資訊系- Tin Học Kế Toán 風險管理與財富規劃系- Quản Trị Rủi Ro và Lập Kế Hoạch Tài Sản	外籍生專班- Chuyên Ban Quốc tế	Nam + Nữ tuổi từ 18~24. Điểm TB 3 năm cấp 3, mỗi năm từ 6.0 trở lên, TOCFL A1	49032NT/học kỳ	12000NT/học kỳ
	TP Đài Bắc					
台北城市科大 ĐH Khoa Học Kỹ Thuật Thành Thị Đài Bắc	www.tpcu.edu.tw	觀光系-Du Lịch 餐飲管理系-Quản Trị Nhà Hàng	產學專班- Vừa Học Vừa Làm	Nam + Nữ tuổi từ 18~22. Điểm TB 3 năm cấp 3, mỗi năm từ 6.0 trở lên, TOCFL A1	45383NT/học kỳ năm 1 được giảm 10.000NT/học kỳ	9500NT/học kỳ Miễn phí KTX năm 1
	TP Đài Bắc					
景文科技大學 Đại học công nghệ Cảnh Văn	www.just.edu.tw/	餐飲管理系 Quản trị nhà hàng	產學專班- Vừa Học Vừa Làm	Nam + Nữ tuổi từ 18~23. Điểm TB 3 năm cấp 3, mỗi năm từ 6.0 trở lên, TOCFL A1	Hơn 52000NT (3) năm 1 giảm 50% học phí	12000NT/học kỳ
	TP Tân Bắc					
黎明技術學院 Học viện kỹ thuật Leeming	www.lit.edu.tw	機械工程系 ngành cơ khí 餐飲管理系 Quản trị nhà hàng	產學專班- Vừa Học Vừa Làm	Nam + Nữ tuổi từ 18~24. Điểm TB 3 năm cấp 3, mỗi năm từ 6.0 trở lên, TOCFL A1	Hơn 42000NT (3) năm 1 giảm 50% học phí	7500NT/học kỳ năm 1 miễn phí KTX
	TP Tân Bắc					
宏國德霖科大 ĐH Khoa học Kỹ Thuật Hồng Quốc Đức Lâm	www.hdut.edu.tw/	精密製造系-Chế Tạo Vi Mạch 產品設計系-Thiết Kế Sản Phẩm 休閒觀光系-Tham Quan Giải Trí 旅館管理系-Quản Trị Du Lịch-Khách Sạn 應用英語系-Tiếng Anh Ứng Dụng 資訊工程系-Kỹ Sư Công Nghệ Thông Tin	外籍生專班- Chuyên Ban Quốc Tế	Nam + Nữ tuổi từ 18~22. Điểm TB 3 năm cấp 3, mỗi năm từ 6.0 trở lên, TOCFL A1	Học kỳ 1 : miễn 100% , học kỳ 2 : miễn 50 % , năm 2 - năm 4 : 47325~54290NT/học kỳ	Học kỳ 1 : miễn 100% , học kỳ 2 : miễn 50 % , năm 2 - năm 4 : 13000NT/học kỳ
	TP Tân Bắc					
			產學專班- Vừa Học Vừa Làm			
龍華科技大學 Đại học công nghệ Long Hoa	www.lhu.edu.tw/	機械工程系 ngành cơ khí 工業管理系-Ngành Quản Lý Công Nghiệp 化材系 hóa và vật liệu 電子技術系 kỹ thuật điện tử	產學專班- Vừa Học Vừa Làm	Nam + Nữ tuổi từ 18~24. Điểm TB 3 năm cấp 3, mỗi năm từ 6.0 trở lên, TOCFL A1	Hơn 54000NT (3) năm 1 giảm 50% học phí	12000NT/học kỳ
	TP Đào viên (sát Đài Bắc)					
國立勤益科大 ĐH Khoa Học Kỹ Thuật Quốc Lập Cần Ích	www.ncut.edu.tw/	工業工程與管理系-Ngành Quản Lý và Kỹ Sư Công Nghiệp 休閒產業管理系-Ngành Quản Trị Dịch Vụ Nghỉ dưỡng	產學專班- Vừa Học Vừa Làm	Nam + Nữ tuổi từ 18~22. Điểm TB 3 năm cấp 3, mỗi năm từ 7.0 trở lên, TOCFL A1	học phí 46,932NT/học kỳ. Học kỳ 1 miễn học phí. Học sinh giỏi học kỳ 1 được miễn phí học kỳ 2 đến học kỳ 4 trợ cấp: 20000NT lúc nhập học, học sinh giỏi học kỳ 1 được trợ cấp 20.000NT học kỳ 2	12000NT/học kỳ
	TP Đài Trung					
朝陽科技大學 Đại học công nghệ Tri ệ u Dương	www.cyut.edu.tw/	休閒產業管理系-Ngành Quản Trị Dịch Vụ Nghỉ dưỡng 應用化學系 ứng dụng hóa học 工業工程與管理系 Quản trị Công nghiệp	產學專班- Vừa Học Vừa Làm	Nam + Nữ tuổi từ 18~24. Điểm TB 3 năm cấp 3, mỗi năm từ 6.0 trở lên, TOCFL A1	học kỳ 1 miễn học phí (48,409NTD) : học kỳ 2 được miễn giảm 50% (24,205NTD) từ học kỳ 3~8, x ế p hạng đầu 25% của lớp, được trợ cấp 12,500NT, x ế p hạng 26%~50%, được trợ cấp 5000 NT học kỳ 1 miễn học phí (55,684NTD) : học kỳ 2 được miễn giảm 50% (27,842NTD) từ học kỳ 3~8, x ế p hạng đầu 25% của lớp, được trợ cấp 12,500NT, x ế p hạng 26%~50%, được trợ cấp 5000 NT	phòng 4 người 13,000NT/học kỳ
	TP Đài Trung					
中臺科技大學 ĐH khoa học kỹ thuật Trung Đài	www.ctust.edu.tw/	không tuyển sinh				
	TP Đài Trung					
崑山科技大學 Đại học công nghệ Côn Sơn	www.ksu.edu.tw/	化材系 kỹ thuật Hóa và vật liệu 資訊工程系-Kỹ Sư Công Nghệ Thông Tin	產學專班- Vừa Học Vừa Làm	Nam + Nữ tuổi từ 18~22. Điểm TB 3 năm cấp 3, mỗi năm từ 6.0 trở lên, TOCFL A1	học phí 38694NT/học kỳ + phụ phí 13512NT/học kỳ năm 1 miễn học phí, chi đóng phụ phí ≈ 14000NT/học kỳ năm 2, 3, 4 xét miễn giảm cho học sinh giỏi, mức cao nhất là 40.000NT	12000 dài tệ ≈ 478 usd/phòng 4 người (ko bao gồm nghi hè + tết)(145usd/1 ng) thời gian nghỉ hè và đông mỗi ngày
	TP Đài Nam (Miền Nam)					
高苑科技大學 ĐH Khoa học kỹ thuật Cao Uyên	www.kyu.edu.tw/	建築系 ngành kiến trúc 觀光與餐旅管理系 Quản trị du lịch và nhà hàng khách sạn	產學專班- Vừa Học Vừa Làm	Nam + Nữ tuổi từ 18~25. Điểm TB 3 năm cấp 3, mỗi năm từ 6.0 trở lên, TOCFL A1	50.853 dài tệ ≈ 1.673 usd (3) Học kỳ 1 được miễn học phí Học kỳ 2 được giảm 50%	11.790 dài tệ ≈ 388 usd học kỳ 1 được miễn KTX
	TP.Cao Hùng					

中華醫事科技大學 ĐH khoa học kỹ thuật Y Trung Hoa	www.hwai.edu.tw/ TP Đài Nam (Miền Nam)	không tuyển sinh				
醒吾科技大學 ĐH Khoa học Kỹ Thuật Tinh Ngộ	www.hwu.edu.tw TP Tân Bắc	資管系-Quản Trị Thông Tin 觀光系-Ngành Du Lịch 國際商務系-Ngành Thương Mại Dịch Vụ Quốc Tế 時尚產業經營管理系 - Quản lý và kinh doanh thời trang	外籍生專班- Chuyên Ban Quốc Tế	Nam + Nữ tuổi từ 18~22. Điểm TB 3 năm cấp 3, mỗi năm từ 6.0 trở lên, TOCFL A1	Học kỳ 1 năm 1: Miễn 100% Học kỳ 2 năm 1 - năm 4: 36000NT/học kỳ	Năm 1: 5000 NT/học kỳ Năm 2 - năm 4: 10000 NT/học kỳ.
			產學專班-			
			Vừa Học Vừa Làm			

Chú ý:

- (1) Danh sách chính th ực sẽ bổ sung vào giữa tháng 6, sau khi bộ giáo dục phê duyệt.
- (2)Vì chưa có thông tin tuy ền sinh chính thức nên học phí, tạp phí, ktx... của khoá mùa thu 2020 tham khảo dữ liệu của n ăm 2019
- (3)Liên quan đ ến Học phí, tạp phí, ktx tr ường vẫn ch ưa quyết định chính thức, chỉ đưa ra ước tính.
- các kho án phụ phí nh ư: Phí b ảo hiểm học sinh, BHYT, phí sử dụng vị tính, sách vở, phí làm thẻ c ư trú, phí làm th ẻ đi làm v.v... khi nào phát sinh m ới đóng